

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN PHL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN PHL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400938796

**3. Ngày thành lập:** 17/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phổ Triên, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0962142610

Fax:

Email: [lamsanphl@gmail.com](mailto:lamsanphl@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                          | 4322        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                 | 4330        |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                            | 4390        |
| 4.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                         | 4620        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                        | 4663        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh nông sản, lâm sản                                    | 4669        |
| 7.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                        | 0119        |
| 8.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                               | 0121        |
| 9.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                         | 0129        |
| 10. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                                         | 0210        |
| 11. | Khai thác gỗ<br>Chi tiết: Khai thác và chế biến gỗ                                                                             | 0220        |
| 12. | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                  | 0231        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                   | 0240        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng trong công ty | 8299        |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Quản lý dự án xây dựng dân dụng, công nghiệp                                             | 7020        |
| 16. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                 | 1610        |
| 17. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                              | 1621(Chính) |
| 18. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                        | 1622        |

|     |                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                  | 1623 |
| 20. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 1629 |
| 21. | Xây dựng nhà để ở                                                                        | 4101 |
| 22. | Xây dựng nhà không để ở                                                                  | 4102 |
| 23. | Xây dựng công trình đường sắt                                                            | 4211 |
| 24. | Xây dựng công trình đường bộ                                                             | 4212 |
| 25. | Xây dựng công trình điện                                                                 | 4221 |
| 26. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                      | 4222 |
| 27. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                       | 4223 |
| 28. | Xây dựng công trình công ích khác                                                        | 4229 |
| 29. | Xây dựng công trình thủy                                                                 | 4291 |
| 30. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                          | 4292 |
| 31. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                    | 4293 |
| 32. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                               | 4299 |
| 33. | Phá dỡ                                                                                   | 4311 |
| 34. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                        | 4312 |
| 35. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                    | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.688.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VIỆT PHƯƠNG | Việt Nam  | Thôn Ao Luông, Xã Yên Mỹ, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam   | 688.000.000           | 40,758    | 121331004                                                                                               |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ LUYẾN | Việt Nam  | Thôn Cầu Trong, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | 1.000.000.000         | 59,242    | 122055091                                                                                               |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ LUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/01/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 122055091

Ngày cấp: 22/01/2021

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: Thôn Cầu Trong, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Cầu Trong, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang